

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 28-5-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phước.

2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST –HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T – sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G H 2, xã H T, huyện H N, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Năm – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G H 2, xã H T, huyện H N, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, chị Trần Thị T là: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T. Trong cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Năm không tôn trọng, thường hay chửi mắng chị T. Chị T đau bệnh thì anh N hắt hủi, xua đuổi. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh N.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 27/3/2002 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/5/2004. Khi ly hôn, con muốn ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Theo trình bày của bị đơn, anh Nguyễn Văn N là: Về quan hệ hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại nhưng không trầm trọng. Anh đã tìm mọi cách để níu kéo nhưng gặp sự cản trở từ phía gia đình chị T. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung như chị Thảo trình bày. Anh không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung giao cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 27/3/2002 cho chị Thảo nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/5/2004 cho anh Năm nuôi dưỡng, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T đã có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi chị T bị bệnh thì anh N không quan tâm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, chị T về sống với mẹ ruột. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý nhưng anh N không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Hiện tại, chị T và anh N không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế và theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có hai người con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 27/3/2002 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/5/2004. Cháu T có nguyện vọng sống với chị T còn cháu P hiện đang sống với anh N. Nghĩ nên giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu P cho anh N nuôi dưỡng. Chị T và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Trần Thị T.
2/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T. Chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

3/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 27/3/2002 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/5/2004 cho anh N nuôi dưỡng. Chị T và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị T chịu 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008352 ngày 10 tháng 01 năm 2019 được khấu trừ.

Trả cho chị T 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008353 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- TAND tỉnh Bình Định.
- VKSND huyện Hoài Nhơn.
- Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn.
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hương